TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2025
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên phiên: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lưu và bà Lê Thị My

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Liêm Công Phường, xã Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn Liêm Công Phường, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn G**, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn Liêm Công Phường, xã Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn Liêm Công Phường, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn G đăng ký kết hôn ngày 24/01/2005 tại Uỷ ban nhân dân (*Sau đây viết tắt là* UBND) xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không biết chia sẻ, quan tâm, chăm sóc vợ, bỏ mặc vợ khi ốm đau. Chị H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 04/7/2005 và Trần Văn Tr, sinh ngày 13/4/2010. Cháu D đã thành niên và có khả năng

lao động tự nuôi sống bản thân nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con là cháu Tr và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị H tôn trọng ý kiến cháu Tr nếu cháu có nguyện vọng sống cùng bố thì chị vẫn đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con do chưa có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 08/5/2025, ngày 15/8/2025 và tại các phiên hòa giải bị đơn anh Trần Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh G nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có nguyện vọng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Nếu chị H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nếu không thể đoàn tụ thì anh G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là Trần Văn Tr, sinh ngày 13/4/2010 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn G.

- Giao cháu Trần Văn Tr, sinh ngày 13/4/2010 cho anh Trần Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H được thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn đối với anh Trần Văn G, cư trú tại địa chỉ thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn L, xã Th, huyện V, tỉnh Quảng Trị). Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh được Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị kế thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 , điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị vào ngày 24/01/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, quyển số 01/2005 ngày 24/01/2005 của UBND xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh G cùng nhau sinh sống tại nhà riêng ở thôn L, xã Th, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu, hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc, nhưng kể từ cuối năm 2023 đến nay, giữa anh G chị H thường xuyên xảy ra cãi vả, xích mích. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về lối sống, khác biệt về tính cách: chị H cho rằng anh G không có trách nhiệm trong cuộc sống chung, không biết quan tâm, san sẻ khó khăn với chị, bỏ mặc chị khi ốm đau nên tình cảm vợ chồng nguội lạnh, không thể tiếp tục chung sống; anh G cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là những việc nhỏ, không nghiêm trọng đến mức ly hôn.

Sau khi chị H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, anh G có nguyện vọng đoàn tụ và xin Tòa án tạo điều kiện để hai vợ chồng hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, kể từ phiên hòa giải đến nay, tình trạng hôn nhân giữa chị H anh G không được cải thiện: chị H rời khỏi nhà để đi làm ăn xa, không trao đổi, bàn bạc với gia đình, vợ chồng sống ly thân, anh G không chủ động liên lạc, tìm kiếm để hòa giải với chị H; hai bên không ai nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn. Như vậy, dù anh G mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại không cố gắng cải thiện quan hệ, có ý thức bỏ mặc hôn nhân.

Tòa án đã mở nhiều phiên hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng chị H, anh G cùng tháo gỡ mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Nguyễn Thị H xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh G thống nhất về việc giao con chung là cháu Trần Văn Tr, sinh ngày 13/4/2010 cho anh Trần Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Tr hiện đang sống cùng anh G, được đảm bảo về các điều kiện vật chất và sinh hoạt, cháu Tr cũng có nguyện vọng được sống cùng với bố. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị H, anh G là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế, bảo đảm được quyền và lợi ích của con chưa thành niên khi có bố mẹ ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn G (*Giấy chứng nhận kết hôn số 132, quyển số 01/2005 ngày 24/01/2005 của UBND xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh chấm dứt hiệu lực pháp luật*).

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn Tr, sinh ngày 13/4/2010 cho anh Trần Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000064 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 8, Quảng Trị;
- Cục THADS Quảng Trị;
- UBND xã Cửa Tùng, QT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Phượng